

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 170/2024/HS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Đinh Thị Mến.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Bà Bùi Thuý Mở

Ông Hoàng Đức Cảnh.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phùng Thế Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên toà:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, H, Tòa án nhân dân huyện T xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 131/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 163/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lò Văn T, sinh năm 1989, tại Đ; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Đ; nơi cư trú: thôn B, xã D, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên bố: Lò Văn T (đã chết), họ tên mẹ: Lò Thị M, sinh năm 1945; Gia đình bị can có 10 chị em, bị can là con út, bị cáo có vợ Quàng Thị D, sinh năm 1993 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 10/4/2024 đến ngày 16/4/2024 chuyển tạm giam; Có mặt.

2. Lò Văn P, sinh năm 1993, tại Đ; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Bản Cộng, xã C, huyện T, tỉnh Đ; nơi cư trú: thôn B, xã D, huyện T, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên bố: Lò Văn N, sinh năm 1972; Họ và tên mẹ: Lò Thị Đ, sinh năm 1972. Gia đình bị can có 03 anh em, bị cáo là con lớn, bị cáo có Lò Thị Xiêm, sinh năm 1993 (đã ly hôn), có 02 con con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện

pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 10/4/2024 đến ngày 16/4/2024 chuyển tạm giam;
Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P:*

Bà Đặng Thị Minh Loan – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 35 phút ngày 10/4/2024, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Thủy Nguyên kết hợp với Công an xã D làm nhiệm vụ tại khu vực thôn B, xã D, huyện T, thành phố H phát hiện Lò Văn T và Lò Văn P có biểu hiện nghi vấn cất giấu trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra, lực lượng Công an thu giữ tại lòng bàn tay trái của Lò Văn T có 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng (nghi chất ma túy); tạm giữ của Lò Văn P 01 xe mô tô biển kiểm soát 16K8 - 4297. Tổ công tác đưa T, P cùng vật chứng về trụ sở Công an làm việc.

Khám xét khẩn cấp nơi ở và khu vực có liên quan của Lò Văn T không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Tại bản Kết luận giám Đ số 446/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ tại lòng bàn tay trái của Lò Văn T là ma túy, có khối lượng 0,17 gam là ma túy, loại Heroine.

Tại Cơ quan điều tra, Lò Văn T và Lò Văn P đều khai nhận: T và P là bạn ở cùng phòng trọ tại thôn B, xã D, huyện Thủy Nguyên, đều nghiện ma túy nên thường phải đi mua ma túy về sử dụng. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 10/4/2024, T và P rủ nhau cùng góp tiền đi mua ma túy về sử dụng, mỗi người góp 100.000đồng được 200.000đồng, T là người cầm tiền. Sau đó, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16K8 – 4297 chở T sang khu vực đường tàu nội thành H, khi đến nơi P đỗ xe bên ngoài còn T xuống xe đi bộ vào trong khu vực đường tàu gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy heroine với giá 200.000đồng. Sau khi mua được ma túy, T cầm ở lòng bàn tay trái rồi đi ra chỗ P đang đứng chờ, T nói cho P biết đã mua được ma túy rồi lên xe P điều khiển chở đi về nhà tìm nơi sử dụng. Khi cả hai đi đến khu vực đường liên xã thuộc thôn Bắc Vang, xã D, huyện Thủy Nguyên thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như trên.

Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người làm chứng, chứng kiến, Kết luận giám Đ, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 446/MT/PC09 chứa chất ma túy còn lại là 0,09 gam Heroine và vỏ bao bì sau giám Đ chuyên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên quản lý.

Tại bản Cáo trạng số 147/CT- VKSTN ngày 17/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H đã truy tố các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy Đ tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 10/4/2024.

Xử phạt bị cáo Lò Văn P từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 10/4/2024.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong số 446/MT/PC09 chứa chất ma túy còn lại là (0,09 gam Heroine) và vỏ bao bì sau giám Đ tại Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS 16K8 – 4297 T và P sử dụng đi mua ma túy: quá trình điều tra xác minh đến nay chưa xác Đ được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên tách ra làm rõ xử lý sau.

Về án phí: Đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm bào chữa như sau: Thống nhất về tội danh, hành vi phạm tội cũng như khung hình phạt và điều luật áp

dụng mà Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố đối với các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật hạn chế, về nguyên nhân, động cơ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo cũng đơn giản, mục đích là mua ma túy để sử dụng cho bản thân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là đơn giản, bột phát. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo phạm tội lần đầu và là người dân tộc thiểu số nên đề nghị các bị cáo được hưởng T tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo; về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy Đ tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN Đ CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên thu thập, do người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác thu thập, cung cấp đều tuân thủ đúng các quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại do đó các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ, Kết luận giám Đ số 446/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

đã được xem xét và công bố công khai tại phiên toà đã có đủ căn cứ kết luận: Do nghiện ma túy nên ngày 10/4/2024 các bị cáo đã cùng nhau góp tiền đi mua ma túy về để sử dụng và đã bị phát hiện bắt quả tang thu giữ 01 gói giấy có chứa ma túy loại Heroine, có khối lượng là 0,17 gam. Với hành vi trên của bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[4] Xem xét đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và quyết Đ hình phạt.

Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bởi vậy, cần phải xử lý nghiêm minh theo quy Đ của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về áp dụng hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của người có hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, vi phạm các chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng chống ma túy. Hiện nay ma túy đang là hiểm họa đối với con người, tác động xấu đến kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, đạo đức, lối sống, văn hóa, hạnh phúc gia đình và làm lây lan đại dịch HIV/AIDS. Các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng không có ý thức phòng tránh mà đã coi thường pháp luật thực hiện hành vi tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân.

Về vai trò đồng phạm: Đây là vụ án mà các bị cáo có hành vi phạm tội đồng phạm giản đơn, các bị cáo là người nghiện ma túy, cùng rủ nhau góp tiền đi mua ma túy về sử dụng, vì vậy vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Từ những tình tiết trên, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt và buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù trong một thời hạn nhất Đ nhằm trừng trị, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời ngăn ngừa

các bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy Đ tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Tại Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H gồm có: 01 phong bì niêm phong số 446/MT/PC09 chứa chất ma túy còn lại là (0,09 gam Heroine) và vỏ bao bì sau giám Đ. Đây là chất Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS 16K8 – 4297 T và P sử dụng đi mua ma túy: quá trình điều tra xác minh đến nay chưa xác Đ được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên tách ra làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật và được quyền kháng cáo trong thời hạn luật Đ.

[9] Trong vụ án này còn có đối tượng bán trái phép chất ma túy cho Lò Văn T và Lò Văn P quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P đồng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Lò Văn P 18 (Mười tám) tháng tù về, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết Đ: Tịch thu tiêu hủy Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 446/MT/PC09 chứa chất ma túy còn lại là (0,09 gam Heroine) và vỏ bao bì sau giám Đ, tại Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Lò Văn T và Lò Văn Nướng được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lò Văn T và Lò Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND thành phố H;
- Sở Tư pháp TP H;
- Trại tạm giam công an TP H
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi cư trú của bị cáo;
- Lưu SƠM, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- CATP H;
- VKSND huyện T;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- CATP H;
- VKSND huyện T;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến